

Số: 22/2024/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Phủ, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 1991. Địa Chỉ: Bản N 2, xã Thanh X, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh **Lại Việt T** sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 10, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, Công an tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lò Thị H và anh Lại Việt T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị H và anh Lại Việt T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lại Phúc M, sinh ngày 08/12/2013 và Lại Uy D, sinh ngày 06/3/2016 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về; Nợ phải trả Diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; khoản 7 Điều 26 Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu tiền số 0000948 ngày 09/4/2024, chị H đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP ĐB Phú;
- Chi cục THADS TP;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ HN;
- Kế toán; V;

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên